|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  Số: /QĐ-BGTVTDỰ THẢO | *Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2022* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Danh mục chi tiết tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ toàn quốc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Luật giao thông đường bộ năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch (Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội);

Căn cứ Nghị định số [12/2017/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=107/2012/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/05/2020 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách, vận tải hàng hóa bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải, Tổng cục trưởng Tổng cục đường bộ Việt Nam,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Danh mục chi tiết tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ toàn quốc đến năm 2025 định hướng đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Danh mục chi tiết) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm

- Danh mục chi tiết mạng lưới tuyến phù hợp với Chiến lược phát triển giao thông vận tải, Chiến lược phát triển dịch vụ vận tải, Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam và các Chiến lược, Quy hoạch khác có liên quan.

- Danh mục chi tiết mạng lưới tuyến đáp ứng nhu cầu và tạo thuận lợi cho sự đi lại của nhân dân trên cơ sở đảm bảo hiệu quả khai thác của toàn mạng lưới tuyến đường bộ; tăng cường kết nối các tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh với các phương thức vận tải khác.

2. Mục tiêu

- Phát triển mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ thống nhất và hợp lý trên phạm vi cả nước, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân giữa các vùng miền, địa phương và đảm bảo an toàn, thuận lợi, chi phí hợp lý.

- Tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tạo sự công khai, minh bạch, bình đẳng cho đơn vị kinh doanh vận tải và đơn vị đầu tư, khai thác bến xe ô tô khách.

3. Nội dung danh mục chi tiết đến năm 2025

a) Tiêu chí danh mục chi tiết: đảm bảo các yêu cầu sau:

- Phù hợp với Quy hoạch bến xe ô tô khách của các tỉnh, thành phố.

- Được sự thống nhất của Sở Giao thông vận tải hai đầu tuyến.

- Đảm bảo lượng phương tiện hoạt động tại các tuyến bố trí vào các bến xe không vượt quá công suất phục vụ của các bến xe ô tô khách trong đó có xác định dự phòng từ 10 – 20 % công suất để phục vụ ngày cao điểm.

- Đối với các tuyến đi và đến địa bàn Hà Nội: Bố trí luồng tuyến đến/đi từ các tỉnh thành phố vào các bến xe Hà Nội theo nhu cầu vào theo hướng tuyến cũng như tính kết nối với mạng lưới giao thông. Đối với các bến xe: Giáp Bát, Mỹ Đình giữ ổn định tần suất phương tiện hoạt động đến năm 2025, chỉ tăng cường vào các dịp lễ, tết.

b) Danh mục chi tiết tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ toàn quốc đến năm 2025 bao gồm 10.859 tuyến, trong đó:

- Danh sách chi tiết tuyến đang khai thác và tuyến mới theo Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 của Quyết định này.

4. Định hướng giai đoạn 2025 – 2030

a) Phát triển các tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh theo đúng định hướng đã được phê duyệt.

b) Tiếp tục triển khai hiệu quả các tuyến theo Danh mục chi tiết đến năm 2025 tại Quyết định này.

c) Ưu tiên khai thác hiệu quả các bến xe xã hội hóa đã đầu tư xây dựng chưa đủ công suất.

d) Tổ chức các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt liên tỉnh đối với các tuyến có thời gian giãn cách giữa các chuyến xe ngắn.

đ) Căn cứ vào yêu cầu thực tế để bổ sung, điều chỉnh tiêu chí xây dựng Danh mục chi tiết, danh mục tuyến, tần suất hoạt động trên mỗi tuyến phù hợp đảm bảo tổng lưu lượng vận chuỷen hành khách tuyến cố định liên tỉnh toàn quốc đến năm 2030 đạt khoảng 48.000 chuyến/ngày.

5. Các giải pháp thực hiện

a) Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động vận tải hành khách tuyến cố định liên tỉnh:

- Tăng cường sự phối hợp giữa các Sở Giao thông vận tải trong công tác quản lý hoạt động tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh; Sở Giao thông vận tải hai đầu tuyến phối hợp cập nhật, bổ sung đầy đủ các thông tin về tuyến, hành trình, tần suất khai thác trên tuyến để tổ chức hoạt động các tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh trong Danh mục chi tiết.

- Xây dựng, ban hành mã số bến xe (kể cả các bến xe quy hoạch), mã số tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh để thống nhất quản lý trên phạm vi toàn quốc.

- Triển khai quản lý mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh bằng bản đồ số.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh; tăng cường kiểm tra, giám sát thông qua thiết bị giám sát hành trình.

- Nghiên cứu triển khai đấu thầu khai thác các tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh có lưu lượng vận tải lớn, có nhiều doanh nghiệp vận tải cùng tham gia khai thác trên tuyến nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng tính công khai minh bạch. Đối với các tuyến có tần suất khai thác lớn, giãn cách chạy xe bình quân 10-15 phút /chuyến, có cự ly dưới 100 km, khuyến khích chuyển dần sang vận tải hành khách bằng xe buýt liên tỉnh theo lộ trình.

b) Tăng cường, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định liên tỉnh:

- Thực hiện đổi mới việc lựa chọn đơn vị tham gia khai thác vận tải hành khách tuyến cố định liên tỉnh căn cứ vào chất lượng, quy mô đơn vị vận tải và lưu lượng vận tải trên tuyến.

- Các đơn vị tham gia vận tải hành khách tuyến cố định liên tỉnh phải công khai các chỉ tiêu về chất lượng dịch vụ và thiết lập hệ thống thông tin phản hồi giữa cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và người dân.

- Tiếp tục xây dựng các cơ chế, chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện.

c) Giải pháp về phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách tuyến cố định liên tỉnh:

- Nâng cao chất lượng quy hoạch bến xe khách; đảm bảo quy hoạch bến xe ổn định để doanh nghiệp yên tâm đầu tư bến xe.

- Đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách tuyến cố định liên tỉnh như các bến xe, điểm đón, trả khách, trạm dừng nghỉ.

- Tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội hóa cũng như nguồn vốn từ ngân sách nhà nước để phát triển kết cấu hạ tầng và tổ chức thực hiện hiệu quả

d) Giải pháp về thông tin, truyền thông:

- Công bố, niêm yết công khai danh mục tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải để các đơn vị kinh doanh vận tải biết và thực hiện.

- Công bố, niêm yết công khai danh sách các tuyến đang khai thác; tổng số chuyến xe tối đa được phép hoạt động trên từng tuyến và tổng số chuyến xe đã đăng ký hoạt động, danh sách các đơn vị vận tải hoạt động trên tuyến.

đ) Các tuyến đang hoạt động nhưng chưa có trong Danh mục:

Doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác trên tuyến chưa nằm trong Danh mục mạng lưới tuyến được cơ quan có thẩm quyền công bố có quyền tiếp tục khai thác theo phương án đã đăng ký trong thời gian không quá 24 tháng, kể từ ngày Danh mục chi tiết có hiệu lực, trừ trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh quy hoạch vị trí hoặc công năng của bến xe (không còn bến xe hoặc bến xe không còn phục vụ vận tải hành khách liên tỉnh).

 **Điều 2**. Tổ chức thực hiện.

 *1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ GTVT*

a) Tổng cục Đường bộ Việt Nam

- Chủ trì, phối hợp với Vụ Vận tải và các Sở Giao thông vận tải tổ chức triển khai thực hiện Danh mục chi tiết tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ.

- Chủ động nghiên cứu, đề xuất bổ sung, sửa đổi các cơ chế, chính sách để đảm bảo triển khai hiệu quả Danh mục chi tiết.

- Phối hợp với Vụ Vận tải hướng dẫn thực hiện Danh mục chi tiết đúng các quy định hiện hành và định kỳ tổ chức sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện Danh mục chi tiết.

- Định kỳ trước ngày 30 tháng 04 hàng năm tổng hợp, chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổng hợp, rà soát, điều chỉnh và tham mưu trình Bộ Giao thông vận tải công bố danh mục mạng lưới tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh.

b) Vụ Vận tải

- Thường trực, đôn đốc, tổng hợp tình hình để tham mưu cho Lãnh đạo Bộ trong việc triển khai thực hiện Danh mục chi tiết.

- Phối hợp với Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Sở Giao thông vận tải cập nhật, điều chỉnh bổ sung Danh mục chi tiết, chủ trì tổng hợp trình Lãnh đạo Bộ quyết định theo quy định.

*2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện Danh mục chi tiết này.

b) Thống nhất với Bộ Giao thông vận tải để công bố hoặc điều chỉnh quy hoạch bến xe làm căn cứ điều chỉnh, bổ sung Danh mục chi tiết.

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, xã tăng cường quản lý bến xe, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quá trình quản lý khai thác bến xe.

*3. Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Danh mục chi tiết; công bố, niêm yết Danh mục chi tiết trên Trang thông tin điện tử của Sở để các đơn vị kinh doanh vận tải biết và thực hiện; hướng dẫn và triển khai thực hiện Danh mục chi tiết đến các đơn vị kinh doanh vận tải, đơn vị kinh doanh bến xe.

b) Định kỳ trước ngày 31 tháng 3 hàng năm, Sở Giao thông vận tải thực hiện xây dựng, điều chỉnh, thống nhất với Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia để xây dựng, điều chỉnh, bổ sung tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh và báo cáo bằng văn bản đến Tổng cục đường bộ Việt Nam để tổng hợp trình Bộ Giao thông vận tải công bố.

c) Căn cứ số liệu thống kê hiện trạng, đăng ký của đơn vị kinh doanh vận tải đề xuất của đơn vị quản lý bến xe, phối hợp với các địa phương khác để tổng hợp nhu cầu vận tải của từng tuyến liên quan đến địa bàn địa phương mình làm cơ sở để tổ chức hoạt động vận tải hành khách tuyến cố định liên tỉnh theo đúng Danh mục chi tiết.

d) Định kỳ trước ngày 15 tháng 5 hàng năm, Sở Giao thông vận tải hai đầu tuyến thống nhất và công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở tổng số chuyến xe tối đa được khai thác trên tuyến trong 12 tháng tiếp theo, giãn cách chạy xe tối thiểu giữa các chuyến xe và biểu đồ chạy xe đang khai thác của từng tuyến do Sở Giao thông vận tải quản lý; việc công bố phải phù hợp với Danh mục chi tiết này.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh như: có tuyến đường mới được đưa vào khai thác; bến xe mới công bố được đưa vào khai thác, bến xe ngừng hoạt động hoặc do các vấn đề phát sinh khác dẫn đến phải cập nhật, điều chỉnh, bổ sung vào Danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định thì Sở Giao thông vận tải hai đầu tuyến báo cáo Tổng cục Đường bộ Việt Nam để tổng hợp báo cáo Bộ Giao thông vận tải quyết định.

e) Trường hợp xảy ra dịch bệnh nguy hiểm, thiên tai, bão lụt ảnh hưởng đến hoạt động của tuyến cố định, Sở Giao thông vận tải hai đầu tuyến thống nhất tạm thời điều chỉnh giảm số chuyến xe thực tế hoặc tạm ngừng hoạt động của tuyến trong thời gian xảy ra dịch bệnh nguy hiểm, thiên tai, bão lụt theo đề nghị của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Báo cáo kết quả điều chỉnh về Tổng cục Đường bộ Việt Nam để tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

*4. Các đơn vị kinh doanh vận tải, đơn vị kinh doanh bến xe khách*

a) Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô: Căn cứ danh mục tuyến chi tiết, đăng ký với Sở Giao thông vận tải khai thác tuyến trong danh mục phù hợp với năng lực của đơn vị theo các quy định hiện hành.

b) Đơn vị kinh doanh bến xe khách: Công khai, cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình khai thác trên các tuyến vận tải hành khách liên tỉnh (tần suất, biểu đồ chạy xe, doanh nghiệp đang khai thác trên tuyến).

**Điều 3**. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ, Cục trưởng các Cục, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:**** Như Điều 3;
* Bộ trưởng (để b/c);
* Các Thứ trưởng;
* Cổng TTĐT Bộ GTVT;
* Lưu VT, V.Tải.
 | **BỘ TRƯỞNG** **Nguyễn Văn Thể** |